TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST Ngày: 17-01-2024 V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh.

2. Bà Bùi Thị Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023, về việc *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 442/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 321/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số B, Tổ G, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên hệ: Số A, đường M, Tổ A, Ấp C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông P *có mặt tại phiên tòa; bà* C *có mặt tại phiên tòa ngày 10/01/2024, vắng mặt tại phiên tòa ngày 17/01/2024)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Bùi Văn P *trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà C là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại U, thành phố C vào ngày 19/02/2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 09.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng dần dần rạn nứt, nguyên nhân là do bà C ghen tuông vô cớ nên vợ chồng sống xa nhau từ tháng 09/2021 đến nay. Khoảng đầu năm 2023, ông P nộp đơn khởi kiện ly hôn với bà Kim C tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh và được Tòa án thụ lý, giải quyết nhưng ông P rút đơn khởi kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngày 29/5/2023, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 04/2023/QĐST-HNGĐ.

Tuy nhiên, sau khi rút đơn khởi kiện, bà C gây áp lực tinh thần với ông P như đưa tin sai sự thật lên mạng xã hội, gọi điện thoại làm phiền ông P. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tái hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông P yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Kim C.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 người con chung tên là Bùi Phúc T, sinh ngày 17/5/2020. Hiện nay, con chung đang sống chung với bà Kim C. Sau khi ly hôn ông P đồng ý để bà C tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Ông P không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, ông P trình bày: Ông P cương quyết ly hôn với bà C, bởi lẽ bà C nhiều lần gọi điện thoại cho ông P khi ông P đang lái xe, nhắn tin hăm dọa gia đình ông P, đăng thông tin xúc phạm danh dự ông P trên mạng xã hội facebook. Bà C còn gọi điện thoại với những người thuê ông P để yêu cầu họ đuổi việc ông P.

Về con chung: Trước đây ông P trình bày vợ chồng có 01 người con chung tên là Bùi Phúc T, sinh ngày 17/5/2020 là ghi theo lời trình bày và bản sao giấy khai sinh do bà C phô tô cung cấp cho Tòa án trong hồ sơ giải quyết ly hôn lần đầu. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông P đến Ủy ban nhân dân xã H xin cấp bản sao Giấy khai sinh của Phúc T để giao nộp theo yêu cầu của Tòa án nhưng cơ quan này đã xác định giấy khai sinh bà C cung cấp là không có thật và Ủy ban nhân dân xã H đã có văn bản trả lời Tòa án về việc không giải quyết thủ tục đăng ký khai sinh cho người dân tên Bùi Phúc T, Tòa án đã cho bà C thời gian để cung cấp bản chính giấy khai sinh và đưa Phúc T đến Tòa án để làm rõ vấn đề con chung nhưng bà C không cung cấp được, ông P cũng không sống cùng bà C và cũng không rõ con chung sinh sống và lớn lên như thế nào và hiện nay cũng không biết Phúc T đang ở đâu, chỉ nghe bà C nói là Phúc T khi vừa sinh ra bị bệnh phải nhập viện tại Bệnh viện Đ để điều trị trong một thời gian dài. Ông P có liên hệ Bệnh viện Đ để hỏi thông tin ngày 17/5/2020 bà C có nhập viện để sinh con và có cháu bé tên Bùi Phúc T nằm viện hay không thì được biết không có thông tin bà C nhập viện để sinh con và cũng không có thông tin Phúc T nằm viện. Do đó, ông P khẳng định vợ chồng không có con chung.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trần Thị Kim C *trình bày:*

Bà C thống nhất lời trình bày của ông P về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian xa nhau. Bà C thừa nhận có nhiều lần gọi điện thoại và nhắn tin có nội dung như ông P trình bày. Lý do bà C gọi điện thoại và nhắn tin hăm dọa như vậy là do bà C bị áp lực từ mẹ và em gái của ông P, họ không thích bà C nên có lời lẽ xúc phạm bà C, họ muốn ông P ly hôn với bà C.

Sau khi kết hôn năm 2019, hai vợ chồng sống cùng gia đình chồng ở xã T được khoảng 01 năm, do có mâu thuẫn với gia đình chồng nên năm 2020 hai vợ chồng ra thuê nhà tại số A, Tổ A, Ấp C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp để sinh sống. Đến ngày 12/3/2022, ông P bỏ về nhà ông P ở T mà không rõ lý do. Từ đó đến nay khoảng vài ngày thì ông P có ghé về căn nhà thuê nêu trên, mỗi lần về thì khoảng vài tiếng lại bỏ đi chứ không ở lại.

Hiện nay, bà C vẫn còn tình cảm với ông P nên bà C không đồng ý ly hôn, bà C sẽ tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên là Bùi Phúc T, sinh ngày 17/5/2020, bà C thực hiện đăng ký khai sinh cháu T tại Ủy ban nhân dân xã H và đã xuất trình bản sao giấy khai sinh của cháu T. Hiện nay, con chung đang sống chung với bà Kim C. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Bà C cam kết sẽ giao nộp bản chính giấy khai sinh của cháu T và đưa cháu T đến Tòa án vào ngày 17/01/2024 để chứng minh cho lời trình bày của bà C.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Vào ngày 17/01/2024 bà C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn, không xem xét, giải quyết đối với con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Bùi Văn P và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông P có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà C và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con; bị đơn có nơi cư trú tại xã H và xã M, thành phố C nên thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Ông P và bà C có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường U, thành phố C vào ngày 19/02/2019 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông P và bà C phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn tình cảm được nên ông P đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà C và được Tòa án thụ lý giải quyết vào ngày 17/02/2023. Sau đó, ngày 29/5/2023, ông P rút đơn khởi kiện để vợ chồng có thêm cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng bà C vẫn không thay đổi, vẫn thực hiện việc gọi điện thoại rất nhiều lần cho ông P trong khi ông P đang lái xe, nhắn tin hăm dọa gia đình ông P làm cho ông P bức xúc, rạn nứt tình cảm và không thể hàn gắn để xây đắp gia đình. Tại phiên tòa, ông P cương quyết yêu cầu được ly hôn với bà C trong khi bà C không đồng ý ly hôn với ông P nhưng bà C vẫn không thể đưa ra cách thức, phương pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông P và bà C có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung làm cho vợ chồng thường xuyên bất hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã sống xa nhau thời gian dài mà vẫn không hàn gắn tình cảm được, mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông P là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét con chung: Ông P xác định vợ chồng không có con chung, bà C trình bày vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Phúc T, sinh ngày 17/5/2020, hiện con chung đang sống chung với bà C, được bà C đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và bà C có cung cấp bản sao giấy khai sinh của cháu T do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H ký ngày 20/10/2020. Tuy nhiên, tại công văn số 1280/UBND-TP ngày 01/12/2023 của Ủy ban nhân dân xã H có xác nhận nội dung: "Ngày 20/10/2020, Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp không có giải quyết thủ tục đăng ký khai sinh cho người dân tên Bùi Phúc T, số đăng ký khai sinh là 56/2020". Bà C xin cho thêm thời gian và cam kết sẽ giao nộp cho Tòa án bản chính giấy khai sinh cháu T và đưa cháu T đến Tòa án vào ngày mở phiên tòa tiếp theo là ngày 17/01/2024 để chứng minh cho lời trình bày của bà C là có căn cứ. Tuy nhiên, ngày 17/01/2024, bà C đã vắng mặt không có lý do và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh vợ chồng có con chung như lời trình bày của bà C. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung do chưa đủ cơ sở để xác định vợ chồng có con chung hay không.

[4] Xét tài sản chung và nợ chung: Ông P và bà C đều thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn không phải chịu án phí.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn P về việc yêu cầu ly hôn bà Trần Thị Kim C. Ông P được ly hôn với bà C.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007063 ngày 17/10/2023 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, như vậy ông P đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKS ND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND Phường 3 (khi án có hiệu lực);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nữ Thu Hân